

Số: 380/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 365, 366, 367, 368, 369 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, 93, 94, 95 - Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 .

Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

*Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2105 của **Ngân hàng N1** quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 242/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần M**

Trụ sở: **số B T, phường Y, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người nhận ủy quyền của ông **T**: ông **Nguyễn Phúc T1**, chức vụ: trưởng phòng xử lý nợ. (Quyết định ủy quyền số 09/2025/UQ-TGD ngày 18/12/2025)

Người nhận ủy quyền của ông **T1**:

+ Ông **Nguyễn Trung T2**, chức vụ: trưởng bộ phận xử lý nợ

+ Ông **Bùi Xuân N**, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ

(Giấy ủy quyền số 12701/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 06/01/2026)

2/Bị đơn: Ông **Nguyễn Phạm T3**, sinh năm 1958

Bà **Hoàng Thị Q**, sinh năm 1989

Cùng đăng ký thường trú: **41/396/27 T, phường T, Thành phố Hà Nội.**

3/Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Hoàng Thị P**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: **số H L, tổ dân phố số A phường T, Thành phố Hà Nội.**

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Các bên xác nhận ông **Nguyễn Phạm T3** và bà **Hoàng Thị Q** nợ **Công ty cổ phần M** theo Hợp đồng cho vay số LN1708160155116 ngày 22/8/2017 kèm khế ước nhận nợ ngày 22/8/2017, tính đến ngày 19/3/2026 như sau: nợ gốc là 214.044.387 đồng, nợ lãi trong hạn là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộng là 214.044.387 đồng.

2.2/ Các bên xác nhận bà **Hoàng Thị Q** nợ **Công ty cổ phần M** tính đến ngày 19/3/2026, cụ thể như sau:

+ Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 24/10/2016: nợ gốc là 103.307.075 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 0 đồng. Tổng cộng là 103.307.075 đồng.

+ Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017: nợ gốc là 16.421.571 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, lãi quá hạn 0 đồng. Tổng cộng là 16.421.571 đồng.

+ Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vay vốn hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân

hàng điện tử ngày 16/8/2017: nợ gốc là 47.335.084 đồng, nợ lãi trong hạn là 218.911.710 đồng, nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộng là 266.246.794 đồng.

Tổng cộng bà **Q** phải thanh toán số nợ gốc, lãi của ba thẻ tín dụng là 385.975.440 đồng.

2.3/ Các bên thống nhất thỏa thuận bà **Hoàng Thị Q**, ông **Nguyễn Phạm T3** có trách nhiệm thanh toán cho **công ty cổ phần M** theo phương án trả nợ như sau:

Ngày 29/4/2026 bà **Hoàng Thị Q** và ông **Nguyễn Phạm T3** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty cổ phần M** theo Hợp đồng cho vay số LN1708160155116 ngày 22/8/2017 số tiền là 214.044.387 đồng (số tiền trừ vào nợ gốc) và thanh toán toàn bộ số nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2026 đến khi tất toán khoản vay.

2.4/ Các bên thống nhất thỏa thuận bà **Hoàng Thị Q** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nợ cho **công ty cổ phần M** trong ngày 29/9/2026 như sau:

+ Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 24/10/2016: nợ gốc là 103.307.075 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 0 đồng. Tổng cộng là 103.307.075 đồng.

+ Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017: nợ gốc là 16.421.571 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, lãi quá hạn 0 đồng. Tổng cộng là 16.421.571 đồng.

+ Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vay vốn hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/8/2017: nợ gốc là 47.335.084 đồng, nợ lãi trong hạn là 218.911.710 đồng, nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộng là 266.246.794 đồng.

Đồng thời bà **Q** trách nhiệm thanh toán số nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay .

2.5/ Trường hợp Bà **Hoàng Thị Q**, ông **Nguyễn Phạm Thái vi P1** phương án trả nợ nêu trên (vi phạm về số tiền và/hoặc thời gian trả tiền) đối với Hợp đồng cho vay số LN1708160155116 ngày 22/8/2017 thì **công ty cổ phần M** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E1.5, BKS: 30E-805.36. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà **Hoàng Thị Q** theo hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 22/8/2017 để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì bà **Q** và ông **T3** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **công ty cổ phần M** đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.6/ Trường hợp bà **Hoàng Thị Q** vi phạm phương án trả nợ nêu trên (vi phạm về số tiền và/hoặc thời gian trả tiền) đối với Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 24/10/2016; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vay vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/8/2017 thì **Công ty cổ phần M** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 20/3/2026 bà **Hoàng Thị Q** và ông **Nguyễn Phạm T3** tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.7/Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận việc vay nợ giữa ông **T3**, bà **Q** và bà **P** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, trường hợp nếu có tranh chấp các bên sẽ làm đơn giải quyết bằng vụ án khác.

3/ Về án phí: Các bên tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự có giá ngạch.

Bà **Hoàng Thị Q** và ông **Nguyễn Phạm T3** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Nguyễn Phạm T3** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Hoàng Thị Q** phải nộp 11.859.952 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Công ty cổ phần M** số tiền 32.960.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002684 ngày 29 tháng 01 năm 2026.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Hà Nội;;
- Phòng THA dân sự khu vực 3 --Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hiền